TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2026/DS-ST
Ngày: 09-02-2026.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Chí
Ông Nguyễn Văn Lâm

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Võ Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà***: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2026/QĐST-DS ngày 26/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1982. Địa chỉ: ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1966, ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1968. Địa chỉ: ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

(Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà T, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14/9/2024 tôi có cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D vay số tiền là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) để về trả đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 01 tháng trả và lãi suất do hai bên tự thoả thuận. Bà T có ký tên xác nhận vào biên nhận.

Tuy nhiên, đến ngày hẹn bà T và ông D không thực hiện đúng như các bên thoả thuận, mặc dù tôi đã nhiều lần đến nhà yêu cầu gia đình bà T và ông D trả nợ nhưng vẫn không trả nên đã ảnh hưởng đến quyền lợi của tôi.

Vào tháng 06/2025 bà T có trả được số tiền 10.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 30.000.000 đồng chưa trả.

Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Tôi không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ căn cứ 26, 35, 39 BLTTDS; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 280, 288, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 37 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L:

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long hoàn trả lại cho bà L số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0008093 ngày 03/11/2025.

Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: ấp Axã A, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn chị Lê Thị L yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy mượn tiền ghi ngày 14/9/2024.

2.2 Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải cho bị đơn Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn D. Tuy nhiên, bà T và ông D không có mặt nên không thể hòa giải được. Ngoài ra, tòa án còn tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn. Tại văn bản số 20/UBND-TP ngày 06/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã A có nội dung: Qua xem xét sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã A thì ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T không có thông tin đăng ký kết hôn nhưng thực tế thì ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T sống chung như vợ chồng từ năm 1989 hiện tại cả hai vẫn còn sống chung tại đại chỉ ấp A, xã A.

Như vậy, căn cứ vào tài liệu chứng cứ chứng minh là giấy mượn tiền ghi ngày 14/9/2024 và kết quả thẩm tra, xác minh có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị T có mượn bà Lê Thị L số tiền 40.000.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng (theo thừa nhận của bà L) và còn nợ lại số tiền là 30.000.000 đồng.

2.3 Đối với yêu cầu nghĩa vụ liên đới của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D tuy không có đăng ký kết hôn nhưng đã sống chung như vợ chồng từ năm 1989 và hiện tại cùng sinh sống chung tại địa chỉ ấp A, xã A, nên cần buộc ông

Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị T trả số tiền nêu trên cho bà Lê Thị L là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 280, 288, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 37 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 (Mười lăm triệu) đồng, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới nộp. Tuy nhiên, do bà T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ nộp với số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long hoàn trả lại cho bà Lê Thị L số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0008093 ngày 03/11/2025.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- THADS tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí